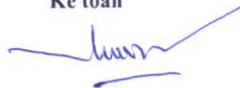


CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

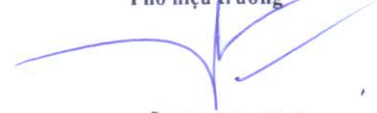
STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				285,496
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	263	9,731,000
	Được chi trong ngày				10,016,496
	Đã chi trong ngày				9,882,800
	1. Dịch vụ				263,000
1	Gas sáng		0	263	0
2	Gas trưa		1,000	263	263,000
	2. Kho				1,175,000
	Ăn chính				1,175,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	5	1,175,000
	3. Đi chợ				8,444,800
	Ăn chính				8,444,800
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Gấc	Kg	52,500	3	157,500
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
4	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
5	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
6	Cải thảo	Kg	36,750	1.5	55,125
7	Chuối cau	Kg	47,250	13	614,250
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	194,250	10.5	2,039,625
9	Đường kính	Kg	38,850	2	77,700
10	Tôm sú	Kg	378,000	6	2,268,000
11	Đậu hủ non (Tàu hủ non)	Miếng	5,400	35	189,000
12	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
13	Rau tần ô	Kg	57,750	5	288,750
14	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	1	66,960
15	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
16	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
17	Bánh mì chà bông	Cái	8,600	252	2,167,200
18	Dầu ăn Tường An 250ml	Chai	21,600	1	21,600
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				3,760,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				70,626,304
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			2,070	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				76,590,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				76,456,304
	Chênh lệch cuối ngày				133,696

Kế toán



Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng



Nguyễn Thị Diệp Thúy